

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 08-4-2025

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp chia tài sản chung; Tranh chấp yêu cầu thanh toán công sức nuôi dưỡng người để lại di sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

Ông Huỳnh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 4 năm 2025 và 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp chia tài sản chung; Tranh chấp yêu cầu thanh toán công sức nuôi dưỡng người để lại di sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**1.1 Nguyên đơn:**

- Bà Đàm Thị T, sinh năm 1961

Trú tại: số nhà A, tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**1.2 Bị đơn:**

- Ông Đàm Thiết H, sinh năm 1965

Trú tại: tổ D, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Việt T1, sinh năm 1990 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/6/2022)

Địa chỉ liên hệ: số nhà E đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đàm Tuấn A, sinh năm 1968 (chết ngày 01/5/2023)

Nơi cư trú trước khi chết: đường M, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đàm Tuấn A:

Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1971 (vợ ông Đàm Tuấn A)

Trú tại: đường M, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chị Đàm Phương A1, sinh năm 2002 (con của ông Đàm Tuấn A)

Chị Đàm Phương T2, sinh năm 2011 (con của ông Đàm Tuấn A)

Cùng trú tại: tổ F, ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của chị A, chị T2: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1961 (theo các Hợp đồng ủy quyền ngày 24/8/2023 và 31/8/2023).

Trú tại: số nhà A, tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Đàm Tuấn C, sinh năm 1969

Trú tại: số nhà H, đường P, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1968

Trú tại: tổ D, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Quốc K, sinh năm 1990 (hợp đồng ủy quyền ngày 16/6/2022)

Địa chỉ liên hệ: số nhà E đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Kiều Thành T3, sinh năm 1984

- Bà Đàm Hoa Cẩm H2, sinh năm 1994

- Ông Đàm Trọng H3, sinh năm 1997

- Cháu Kiều Thế P, sinh năm 2021 (con ông T3, bà H2)

- Cháu Kiều Phước T4, sinh năm 2022 (con ông T3, bà H2)

Cùng trú tại: tổ D, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của ông T3, bà H2, ông H3:

Ông Hà Quốc K, sinh năm 1990 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 02/3/2023)

Địa chỉ liên hệ: số nhà E đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà T, ông T1, ông K, ông C có mặt tại phiên tòa, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày:*

Ông Đàm Văn L1, sinh năm 1992 (chết năm 2019) và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1936 (chết năm 2021) có 05 người con gồm Đàm Thị T, Đàm Thiết D (chết ngày 30/3/2021 và không có vợ, không có con đẻ, con nuôi), Đàm Thiết H, sinh năm 1965, Đàm Tuấn A, sinh năm 1968 (chết ngày 01/5/2023), Đàm Tuấn C, sinh năm 1969. Ông L1 và bà Đ chết không để lại di sản thừa kế nào vì khi con sống đã phân chia hết cho các con. Ông Đàm Thiết D chết để lại di sản gồm: 01 xe ô tô màu trắng nhãn hiệu Honda City biển số 60A-219.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 027250 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 25/6/2015 do ông D đứng tên trên giấy chứng nhận; Số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) đang được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng C1 – chi nhánh Đ1 theo Thẻ tiết kiệm số AC 043934 phát hành ngày 13/7/2020 đứng tên ông D (chưa bao gồm tiền lãi phát sinh); số tiền 291.128.138 đồng trước đây gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H. Hiện bà T đã tất toán sổ tiết kiệm này.

Khi còn sống thì ông Đàm Thiết D có tặng cho bà Đàm Thị T và ông Đàm Thiết H quyền sử dụng đối với thửa đất số 1175 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai có diện tích 645 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 260362 và CT 260263 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/10/2019 do bà T và ông D cùng đứng tên quyền sử dụng. Sau khi được tặng cho đất thì bà T có cải tạo đất gồm các chi phí sau: Thuê xe đổ đất với số tiền 31.000.000 đồng; xây hàng rào gạch và lướ B40 bao quanh đất với chi phí 34.350.000 đồng; khoan giếng 4.000.000 đồng; xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích phía trước ngang 6m, phía sau ngang 9m và dài 20m có kết cấu tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch tàu và gạch ceramic với tổng chi phí là 430.650.000 đồng; bà T còn bỏ chi phí 100.000.000 đồng để chuyển mục đích sử dụng đất 100 m<sup>2</sup> từ đất nông nghiệp sang đất ở. Sau khi xây dựng nhà thì gia đình ông H đã chuyển đến ở trên nhà đất này và có bỏ ra chi phí sửa chữa thêm.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Chia di sản thừa kế của ông Đàm Thiết D chết để lại gồm: Số tiền hiện đang được ông Đàm Thiết D gửi tại Ngân hàng C1, tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh; số tiền 291.128.138 đồng hiện bà T đang giữ của ông D; xe ô tô hiệu Honda city biển số 60A-219.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 027250 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 25/6/2015 cho ông Đàm Thiết D.

Chia tài sản chung giữa bà Đàm Thị T và ông Đàm Thiết H là thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V cùng tài sản gắn liền với đất, bà T đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông H và yêu cầu ông H thanh toán lại cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc yêu cầu các đồng thừa kế của ông Đàm Thiết D trước khi nhận di sản thừa kế phải thanh toán lại cho bà H1 tiền công sức nuôi dưỡng ông D trong thời gian ông D bị

bệnh nặng cho đến khi chết với số tiền 555.000.000 đồng (năm trăm năm mươi lăm triệu đồng) thì bà T không đồng ý.

Đối với kết quả thẩm định giá tài sản tranh chấp trong vụ án được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần T5 cung cấp thì bà T cơ bản thống nhất toàn bộ trị giá tài sản.

Tại phiên tòa bà Đàm Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với xe ô tô hiệu Honda city biển số 60A-219.30 và rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 bà T tự nguyện thanh toán 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho bà H1 từ di sản thừa kế mà bà T được chia và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Đàm Thiết H cùng đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Phạm Việt T1 trình bày:*

Ông H thống nhất với trình bày của bà T về hàng thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế và số di sản thừa kế mà ông D chết để lại. Tuy nhiên trước khi chia di sản thừa kế của ông D thì những người đồng thừa kế của ông D phải dùng một phần di sản này để thanh toán công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cho vợ ông H là bà Huỳnh Thị Thu H1. Lý do là trong thời gian ông D bị bệnh hiểm nghèo không thể tự sinh hoạt, trong khi đó ông D không lập gia đình nên không có người thân bên cạnh, chị em ruột thì bận đi làm và chăm sóc gia đình riêng nên có thỏa thuận với bà H1 (là em dâu) chăm sóc thì ông D sẽ trả công với số tiền 15.000.000 đồng/tháng. Thời gian bà H1 chăm sóc ông D từ ngày 01/3/2018 đến ngày 30/3/2021 tương đương 37 (ba mươi bảy) tháng. Vì vậy ông H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1. Đối với số di sản thừa kế còn lại của ông D thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với nguồn gốc đất và căn nhà gắn liền với thửa số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T là đất hương hỏa do ba mẹ cho riêng ông D để ông D thờ cúng ông bà tuy nhiên khi ông D phát hiện bệnh hiểm nghèo thì đồng ý giao lại cho ông H (là em trai kế ông D) theo hình thức tặng cho. Tuy nhiên bà T sợ ông H sau khi được sang tên quyền sử dụng đất sẽ không giữ đất hương hỏa thờ cúng ông bà mà chuyển nhượng cho người khác nên mới đề nghị cùng đứng tên chung đối với thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 xã T. Sau đó ông H và bà T được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 260362 và CT 260263 ngày 24/10/2019. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất trên và tài sản gắn liền với đất thì ông H đồng ý được nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và thanh toán lại cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Tại phiên tòa bà Đàm Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với xe ô tô hiệu Honda city biển số 60A-219.30 và rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với thửa đất số 1175, tờ bản

đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đại diện theo ủy quyền của ông H là ông T1 cũng đồng ý, không có ý kiến gì. Đối với ý kiến của bà T về việc thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thu H1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) công sức chăm sóc ông D từ di sản thừa kế được chia thì phía ông H cũng thống nhất với ý kiến của bà T, đề nghị Tòa án xem xét.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Đàm Tuấn A (chết ngày 01/5/2023) trình bày:*

Ông Tuấn A thống nhất với trình bày của bà T về hàng thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế và số di sản thừa kế mà ông D chết để lại. Trước khi ông D chết thì ông Tuấn A đã được nhận số tiền 309.500.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng) trong di sản thừa kế của ông D để lại, số di sản thừa kế còn lại thì ông Tuấn A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc yêu cầu những người đồng thừa kế của ông D thanh toán tiền công sức nuôi dưỡng ông D thì ông Tuấn A không đồng ý.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đàm Tuấn A là bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:*

Bà L là vợ hợp pháp của ông Đàm Tuấn A. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Tuấn A đã chết vào ngày 01/5/2023. Trước khi chết thì ông Tuấn A đã nhận được số tiền 309.500.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng) từ số tiền mặt mà ông D để lại. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Đàm Thiết D cho những người đồng thừa kế còn lại của ông D, bà L không có ý kiến và yêu cầu gì khác đối với di sản này.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Đàm Thị T - người đại diện theo ủy quyền của chị Đàm Phương A1 và chị Đàm Phương T2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đàm Tuấn A trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu L (mẹ ruột của Đàm Phương A1 và Đàm Phương T2) về việc ông Tuấn A đã nhận số tiền 309.500.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng) trong khối di sản thừa kế của ông Đàm Thiết D trước khi khởi kiện tại Tòa án. Việc bà L đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Đàm Thiết D cho những người đồng thừa kế còn lại là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Đàm Tuấn C trình bày:*

Ông C thống nhất với trình bày của bà T về hàng thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế và số di sản thừa kế mà ông D chết để lại như bà T đã trình bày. Đối với xe ô tô màu trắng nhãn hiệu Honda City biển số 60A-219.30 khi ông D chết để lại thì ông Tuấn A là người quản lý, sử dụng. Tuy nhiên khi ông Tuấn A chết vào năm 2023 thì hiện nay xe ô tô này ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Về trị giá xe ô tô này là 300.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá thì ông C không đồng ý, hiện do xe sử dụng thời gian đã lâu nên

trị giá xe ô tô này chỉ còn lại 200.000.000 đồng. Nếu những người đồng thừa kế của ông D thống nhất trị giá xe ô tô theo như ông C trình bày thì khi chia di sản thừa kế ông C yêu cầu được nhận xe ô tô và thanh toán lại trị giá cho những người đồng thừa kế khác. Đối với số di sản thừa kế còn lại của ông D ông C yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với xe ô tô hiệu Honda city biển số 60A-219.30 thì ông C cũng đồng ý việc này, không có ý kiến khác. Đối với ý kiến của bà T về việc thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thu H1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) công sức chăm sóc ông D từ di sản thừa kế mà ông C được chia thì ông C cũng thống nhất với ý kiến của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H1 do ông Hà Quốc K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Thu H1 là vợ của ông Đàm Thiết H và là em dâu của người để lại di sản là ông Đàm Thiết D. Năm 2017 thì ông D bị bệnh nặng và có thỏa thuận với bà H1 về việc chăm sóc, nuôi dưỡng ông D cho đến khi hết bệnh còn nếu ông D qua đời thì tiền công chăm sóc sẽ được thanh toán từ di sản mà ông D để lại. Việc thỏa thuận này giữa bà H1 và ông D không có lập văn bản gì nhưng những người trong gia đình, hàng xóm và bạn của ông D đều biết việc này. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H1 có nộp chứng cứ chứng minh là Vi bằng lập ngày 31/5/2022. Thời gian bà H1 chăm sóc ông D từ ngày 01/3/2018 đến ngày 30/3/2021 tương đương với 37 tháng. Vì vậy bà H1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đồng thừa kế của ông D phải thanh toán lại cho bà H1 tiền công chăm sóc cho ông D số tiền 555.000.000 đồng (15.000.000 đồng x 37 tháng). Tại phiên tòa những người đồng thừa kế của ông D gồm bà T, ông H và ông C đồng ý thanh toán số tiền công sức nuôi dưỡng ông D cho bà H1 với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà H1 cũng đồng ý. Vì vậy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H1 tự nguyện rút một phần yêu cầu độc lập, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đồng thừa kế của ông D gồm bà T, ông H và ông C thanh toán cho bà H1 số tiền 150.000.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:*

*Về thủ tục tố tụng:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác.

*Về việc giải quyết vụ án:*

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với xe ô tô hiệu Honda city biển số

60A-219.30 và rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Thấy rằng việc rút yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa thì những người đồng thừa kế của ông Đàm Thiết D là bà Đàm Thị T, ông Đàm Thiết H, ông Đàm Tuấn C tự nguyện thanh toán 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền công sức chăm sóc ông D cho bà H1, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà H1 tự nguyện rút một phần yêu cầu độc lập. Việc tự nguyện của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Đàm Thiết D chết để lại của bà Đàm Thị T gồm số tiền 291.128.138 đồng (hai trăm chín mươi một triệu một trăm hai mươi tám nghìn một trăm ba mươi tám đồng); số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh đang được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng C1 – chi nhánh tỉnh Đ1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và chia thừa kế cho những người đồng thừa kế còn lại của ông D gồm bà T, ông H và ông C.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền mà mỗi đương sự được chia theo quy định và án phí về việc thanh toán tiền công nuôi dưỡng người để lại di sản.

Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản tranh chấp): Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đàm Tuấn A là bà Nguyễn Thị Thu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đàm Thiết D chết năm 2021 không có vợ, con đẻ và con nuôi. Ba ông D là ông Đàm Văn L1 chết năm 2019 và mẹ ông D là bà Huỳnh Thị Đ chết năm 2021. Ông D có 04 chị em gồm bà Đàm Thị T, ông Đàm Thiết H, ông Đàm Tuấn A và ông Đàm Tuấn C. Ông D chết không để lại di chúc. Khi chết ông D để lại di sản là số tiền 291.128.138 đồng được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H do bà Đàm Thị T đứng tên thẻ tiết kiệm; 01 xe ô tô màu trắng nhãn hiệu Honda City biển số 60A-219.30 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 027250 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 25/6/2015; số tiền 1.885.859.870 đồng (bao gồm số tiền gửi ban đầu là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 19/3/2025) được gửi

tại Ngân hàng C1 - chi nhánh tỉnh Đ1. Do những người đồng thừa kế của ông D không giải quyết được việc phân chia di sản thừa kế của ông D nên phát sinh tranh chấp. Bà Đàm Thị T và ông Đàm Thiết H cùng đứng tên chung đối với quyền sử dụng thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V và tài sản gắn liền với thửa đất này do ông Đàm Thiết D tặng cho trước khi chết nhưng khoản 6 phân chia được tài sản nên bà Đàm Thị T khởi kiện. Ngoài ra bà Huỳnh Thị Thu H1 trình bày trong thời gian ông D bệnh nặng không tự sinh hoạt cá nhân được thì có thỏa thuận về việc chăm sóc ông D với mức thù lao 15.000.000 đồng/tháng. Nay ông D chết bà H1 có yêu cầu độc lập yêu cầu những người đồng thừa kế của D phải thanh toán lại cho bà H1 số tiền công nuôi dưỡng ông D là 555.000.000 đồng (năm trăm năm mươi lăm triệu đồng).

[3] Xét từng yêu cầu khởi kiện trong vụ án thấy rằng:

[3.1] Về việc xác định những người đồng thừa kế của ông Đàm Thiết D: Ông D không có vợ, con đẻ và con nuôi. Ba mẹ ruột của ông D đã chết; ông Đàm Tuấn A là em ruột của ông D trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng đã chết vào ngày 01/5/2023 do đó hàng thừa kế của ông D đến thời điểm hiện tại chỉ còn 03 người gồm bà Đàm Thị T, ông Đàm Thiết H và ông Đàm Tuấn C là chị ruột và em ruột của ông D theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 651 Bộ luật dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tuấn A là bà Nguyễn Thị Thu L trình bày trước khi vụ án được thụ lý thì ông Tuấn A đã được chia số tiền mặt mà ông D chết để lại. Nay ông Tuấn A đã chết thì bà L không yêu cầu được chia di sản của ông D nữa. Thấy rằng trình bày của bà L phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 651 của Bộ luật dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định những người được hưởng di sản của ông D gồm bà Đàm Thị T, ông Đàm Thiết H và ông Đàm Tuấn C.

[3.2] Xét việc chia từng di sản của ông D để lại, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 291.128.138 đồng (hai trăm chín mươi một triệu một trăm hai mươi tám nghìn một trăm ba tám đồng) được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H do bà Đàm Thị T đứng tên thẻ tiết kiệm (bút lục số 46) tuy nhiên hiện bà T đã tắt toán thẻ tiết kiệm này. Theo đơn khởi kiện bà T trình bày ngoài số tiền gửi tiết kiệm trên thì ông D chết còn để lại tiền mặt tuy nhiên số tiền này đã được sử dụng trong việc lo hậu sự cho ông D và chia cho ông Tuấn A, việc này cũng được những người đồng thừa kế là ông C và ông H thừa nhận và đương sự không yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết số tiền đã sử dụng này. Số tiền 291.128.138 đồng được chia làm 03 kỷ phần bằng nhau cho bà T, ông C và ông H, tương đương số tiền 97.042.712 đồng (đã làm tròn số). Do bà T đã tắt toán sổ tiết kiệm này nên bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ông C và ông H số tiền 97.042.712 đồng (chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm mười hai đồng).

[3.3] Đối với số tiền 1.885.859.870 đồng (bao gồm tiền gửi 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 19/3/2025) được gửi tại Ngân hàng C1 – chi nhánh tỉnh Đ1: Tại phiên tòa bà T và ông C đều thống nhất trước khi chia di sản này thì đồng ý chia trước 125.000.000 đồng (một trăm hai



mười lăm triệu đồng) cho ông Đàm Thiết H vì số tiền mặt trước đây ông D chết để lại ông H chưa được chia. Việc này đại diện theo ủy quyền của ông H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Số tiền còn lại trước khi chia là 1.760.859.870 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu tám trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi đồng) được chia làm 03 kỷ phần bằng nhau cho bà T, ông C và ông H, tương đương số tiền 586.953.290 đồng (năm trăm tám mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng).

[3.4] Đối với xe ô tô màu trắng nhãn hiệu Honda City biển số 60A-219.30: Tại phiên tòa nguyên đơn bà T tự nguyện rút yêu cầu đối với việc chia di sản này và được ông C cùng người đại diện theo ủy quyền của ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị T về việc chia di sản thừa kế này.

[3.5] Xét yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V và tài sản gắn liền với đất thấy rằng: Tại phiên tòa phía nguyên đơn bà T rút yêu cầu đối với việc tài sản chung này và đại diện theo ủy quyền của ông H cũng đồng ý để các bên tự thỏa thuận sau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Đàm Thị T.

[3.6] Xét yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc yêu cầu thanh toán công sức nuôi dưỡng ông D: Tại phiên tòa bà T, ông C và đại diện của ông H thống nhất thỏa thuận mỗi người sẽ thanh toán 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ kỷ phần thừa kế mà mình được chia để thanh toán cho bà H1 tiền công chăm sóc ông D tương đương số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), việc này đại diện theo ủy quyền của bà H1 cũng thống nhất và tự nguyện rút một phần yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1. Thấy rằng đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1. Vì vậy buộc những người đồng thừa kế của ông D gồm bà T, ông H và ông C mỗi người phải thanh toán cho bà H1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ di sản thừa kế của ông D.

[3.7] Căn cứ những nhận định trên của Hội đồng xét xử, số tiền mà mỗi người đồng thừa kế của ông Đàm Thiết D được chia cụ thể như sau:

Bà Đàm Thị T, ông Đàm Tuấn C được chia số tiền 633.996.000 đồng trong đó gồm 586.953.290 đồng (tiền gửi tại Ngân hàng C1 - chi nhánh tỉnh Đ1) + 97.042.712 đồng (tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H mà bà T đã tắt toán) – 50.000.000 đồng (thanh toán tiền công nuôi dưỡng cho bà H1).

Ông Đàm Thiết H được chia số tiền 758.996.000 đồng, trong đó gồm 586.953.290 đồng (tiền gửi tại Ngân hàng C1 - chi nhánh tỉnh Đ1) + 97.042.712 đồng (tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H mà bà T đã tắt toán) + 125.000.000 đồng (tiền được bà T và ông C chia trước) - 50.000.000 đồng (thanh toán tiền công nuôi dưỡng cho bà H1).

[3.8] Do sổ tiết kiệm tại Ngân hàng C1 - chi nhánh tỉnh Đ1 của ông Đàm Thiết D hiện nay bà T đang giữ nên Hội đồng xét xử giao cho bà T được quyền sở hữu, tất toán sổ tiết kiệm này và thanh toán lại số tiền tương ứng với kỹ phần thừa kế cho những người đồng thừa kế khác cũng như thanh toán tiền công sức nuôi dưỡng ông Đàm Thiết D cho bà Huỳnh Thị Thu H1.

[4] Về chi phí tố tụng (bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đàm Thị T, ông Đàm Thiết H và ông Đàm Tuấn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia thừa kế tương ứng với trị giá kỹ phần mà mỗi người được chia và án phí về việc thanh toán tiền công nuôi dưỡng cho bà Huỳnh Thị Thu H1. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Do yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H1 tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 612; Điều 615; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị T về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”

Chia di sản thừa kế của ông Đàm Thiết D gồm: Số tiền 291.128.138 đồng và số tiền 1.885.859.870 đồng (tính đến ngày 19/3/2025) được gửi tại Ngân hàng C1 – chi nhánh tỉnh Đ1;

Giao cho bà Đàm Thị T được quyền sở hữu số tiền 1.885.859.870 đồng (bao gồm 1.500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/3/2025) được gửi tại Ngân hàng C1 – chi nhánh tỉnh Đ1 theo Thẻ tiết kiệm số AC 043934 phát hành ngày 13/7/2020 mang tên ông Đàm Thiết D.

Bà Đàm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đàm Tuấn C số tiền 633.996.000 đồng (sáu trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Bà Đàm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đàm Thiết H số tiền 758.996.000 đồng (bảy trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị T về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” đối với xe ô tô hiệu Honda City biển số 60A-219.30.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị T về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” đối với quyền sử dụng thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã T, huyện V và tài sản gắn liền với đất.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc “Yêu cầu thanh toán công sức nuôi dưỡng người để lại di sản” đối với số tiền 405.000.000 đồng (bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc “Yêu cầu thanh toán công sức nuôi dưỡng người để lại di sản”

Bà Đàm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thu H1 số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

6. Về án phí:

6.1 Bà Đàm Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Đàm Tuấn C phải chịu 29.360.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc thanh toán công sức nuôi dưỡng. Ông Đàm Thiết H phải chịu 34.360.000 đồng (ba mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc thanh toán công sức nuôi dưỡng.

6.2 Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thu H1 số tiền 13.100.000 đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009984 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

7. Về việc chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về việc thi hành bản án của Tòa án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tấn Phát**